

Số: 116/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp quản lý thực hiện
Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên,
môi trường biển và hải đảo đến năm 2030**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý thực hiện Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển;
- UBCĐQG về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b). 46

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng

THỦ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Phối hợp quản lý thực hiện Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản
tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **116/QĐ-TTg**
ngày **19** tháng **02** năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về mục đích, nguyên tắc, nội dung, phương thức và trách nhiệm phối hợp giữa các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển trong quản lý thực hiện Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Chương trình).

Điều 2. Mục đích phối hợp

1. Bảo đảm tổ chức thực hiện có hiệu quả các dự án, đề án, nhiệm vụ của Chương trình ngay từ khâu lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện đến hoạt động nghiệm thu và đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ, đề án, dự án trong Chương trình (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ, dự án).

2. Tổ chức tốt công tác điều phối, chia sẻ thông tin, dữ liệu, khai thác, tận dụng tối đa năng lực, kinh nghiệm, phương tiện, trang thiết bị trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, dự án.

3. Tăng cường và đề cao trách nhiệm, tính chủ động, tích cực của từng bộ, cơ quan, đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Bảo đảm phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan trong quá trình hoạt động; đồng thời phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của cơ quan đầu mối, điều phối quản lý Chương trình.

2. Trên cơ sở chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hỗ trợ cùng nhau thực hiện tốt nhiệm vụ, dự án được giao, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, tiến độ công việc, giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh.

3. Phối hợp được thực hiện từ khâu lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện đến hoạt động đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ, dự án theo từng cấp quản lý.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Phối hợp tổ chức thực hiện Chương trình

a) Xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách, việc quản lý, sử dụng kinh phí chi thực hiện các nhiệm vụ, dự án, tổng hợp, phân bổ kinh phí hằng năm của Chương trình.

b) Theo dõi, kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết Chương trình.

c) Gắn kết thực hiện Chương trình với Chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ quản lý biển, hải đảo và phát triển kinh tế biển và các chương trình, đề án, dự án khác có liên quan.

d) Bảo đảm an ninh, an toàn trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Phối hợp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình

a) Thẩm định và phê duyệt dự án thực hiện.

b) Hướng dẫn, phân bổ và giao kế hoạch, dự toán ngân sách Nhà nước thực hiện.

c) Kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và giao nộp sản phẩm.

d) Thông tin, báo cáo trong quá trình thực hiện.

Điều 5. Phương thức phối hợp

1. Phương thức phối hợp có thể được thực hiện như sau:

a) Gửi công văn, thư điện tử.

b) Tổ chức họp trao đổi, lấy ý kiến.

c) Chia sẻ, cập nhật thông tin có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình và các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình.

d) Tổ chức các đoàn, tổ công tác liên ngành trong trường hợp cần thiết.

2. Việc lựa chọn phương thức phối hợp do các cơ quan thống nhất, quyết định phù hợp với điều kiện cụ thể tại từng địa bàn, cấp đơn vị.

3. Các bộ, ngành cử cán bộ đầu mối tham gia hoạt động phối hợp của bộ, ngành mình về Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường sau khi Quy chế được phê duyệt.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ PHỐI HỢP

QUẢN LÝ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Điều 6. Phối hợp xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm

1. Cơ quan chủ trì nhiệm vụ, dự án tổng hợp nhu cầu kinh phí của các nhiệm vụ, dự án được giao để lập dự toán thu, chi ngân sách của đơn vị gửi Bộ Tài chính, đồng thời gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 10 tháng 7 hằng năm để tổng hợp, tham gia ý kiến.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn cơ quan chủ trì nhiệm vụ, dự án xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm để triển khai thực hiện Chương trình.

b) Có ý kiến đối với nhu cầu kinh phí của các cơ quan chủ trì nhiệm vụ, dự án để gửi Bộ Tài chính tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách nhà nước hằng năm trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính trình cơ quan có thẩm quyền cân đối, bố trí kinh phí thường xuyên hằng năm cho các bộ, cơ quan trung ương để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

4. Đối với nhiệm vụ, dự án do địa phương ven biển phối hợp thực hiện, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, nội dung và tiến độ thực hiện nhiệm vụ, dự án, đơn vị thực hiện lập dự toán kinh phí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của đơn vị, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, tổng hợp để gửi Sở Tài chính tổng hợp chung vào dự toán ngân sách của địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 7. Phối hợp theo dõi, kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết Chương trình

1. Cơ quan chủ trì nhiệm vụ, dự án định kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường:

a) Hướng dẫn các cơ quan chủ trì nhiệm vụ, dự án thực hiện việc thẩm định, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu, giao nộp sản phẩm và báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ, dự án được giao.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chủ trì nhiệm vụ, dự án tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện các nhiệm vụ, dự án đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

c) Tiếp nhận báo cáo về kết quả kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết của các cơ quan chủ trì nhiệm vụ, dự án; tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chủ trì nhiệm vụ, dự án đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung Chương trình theo quy định.

Điều 8. Phối hợp thực hiện hiệu quả với Chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ quản lý biển, hải đảo và phát triển kinh tế biển và các chương trình, đề án, dự án khác có liên quan

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành, cơ quan chủ trì nhiệm vụ, dự án có nội dung gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ phục vụ quản lý biển, hải đảo và phát triển kinh tế biển xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình và tổ chức thực hiện bảo đảm đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả.

2. Cơ quan chủ trì nhiệm vụ, dự án được tạo điều kiện để thu thập, khai thác, sử dụng kết quả nghiên cứu nhiệm vụ, dự án liên quan của các Chương trình trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, dự án được giao bảo đảm tiết kiệm, tránh trùng lặp, lãng phí.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc xây dựng và thực hiện kế hoạch khảo sát, điều tra và nghiên cứu khoa học hằng năm trên các vùng biển Việt Nam để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình và Chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ quản lý biển, hải

đào và phát triển kinh tế biển và các chương trình, đề án, dự án khác liên quan đến biển và hải đảo.

Điều 9. Phối hợp bảo đảm an ninh, an toàn trong quá trình triển khai nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình

1. Cơ quan chủ trì nhiệm vụ, dự án gửi Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Tài nguyên và Môi trường thông tin về thời gian và vùng biển cần khảo sát để được hỗ trợ bảo đảm an ninh, an toàn trong quá trình khảo sát.

2. Bộ Quốc phòng chỉ đạo các cơ quan trực thuộc liên quan có phương án hỗ trợ, bảo vệ các tàu khảo sát của cơ quan chủ trì nhiệm vụ, dự án để đảm bảo an ninh, an toàn trên biển.

Chương III
QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ
PHỐI HỢP QUẢN LÝ NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH

Điều 10. Phối hợp thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ, dự án

1. Cơ quan chủ trì nhiệm vụ, dự án:

a) Tổ chức thẩm định và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về chất lượng nội dung và dự toán nhiệm vụ, dự án.

b) Lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan, tổ chức có liên quan về nội dung dự toán nhiệm vụ, dự án được giao. Hồ sơ phê duyệt gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, theo dõi.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao kịp thời thẩm định nội dung và dự toán nhiệm vụ, dự án trên cơ sở quy định của pháp luật liên quan.

Điều 11. Phối hợp trong hướng dẫn thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi thực hiện nhiệm vụ, dự án

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chi tiết việc quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình đảm bảo hiệu quả, khả thi.

Điều 12. Phối hợp tổ chức thực hiện nhiệm vụ, dự án

1. Hằng năm, cơ quan chủ trì nhiệm vụ, dự án chủ động lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động để triển khai thực hiện nhiệm vụ, dự

án được giao bảo đảm phù hợp với nội dung, tiến độ thực hiện của Chương trình; gửi kế hoạch đã phê duyệt đến Bộ Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, quản lý.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, xây dựng kế hoạch tổng thể theo dõi, quản lý Chương trình, trong đó bảo đảm lồng ghép, điều phối thực hiện có hiệu quả các hoạt động trong quá trình quản lý Chương trình.

3. Khi cần điều chỉnh kế hoạch hoạt động, cơ quan chủ trì nhiệm vụ, dự án chủ động điều chỉnh và phê duyệt kế hoạch điều chỉnh thực hiện nhưng bảo đảm không làm thay đổi mục tiêu, nhiệm vụ, sản phẩm của nhiệm vụ, dự án đã được phê duyệt; đồng thời gửi kế hoạch đã điều chỉnh đến Bộ Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, kiểm tra.

4. Trong quá trình thực hiện kế hoạch hoạt động, cơ quan chủ trì nhiệm vụ, dự án chủ động thông tin, đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh để Bộ Tài nguyên và Môi trường kịp thời chủ trì xem xét, giải quyết trong phạm vi thẩm quyền hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với những vấn đề vượt thẩm quyền.

Trường hợp cần thiết phải đề nghị dừng hoặc tạm dừng thực hiện nhiệm vụ, dự án, cơ quan chủ trì nhiệm vụ, dự án phải báo cáo rõ lý do, nguyên nhân, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và bộ, cơ quan liên quan xem xét, hướng dẫn, đánh giá, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 13. Phối hợp kiểm tra, đôn đốc thực hiện Chương trình và các nhiệm vụ, dự án

1. Cơ quan chủ trì nhiệm vụ, dự án thường xuyên theo dõi, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ, dự án bảo đảm phát hiện, điều chỉnh và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm và tiến độ thực hiện; chuẩn bị đầy đủ báo cáo, tài liệu khi có yêu cầu kiểm tra.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường:

a) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Chương trình trên cơ sở kế hoạch tổng thể đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả của Chương trình.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, dự án khi cần thiết.

Điều 14. Phối hợp nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ, dự án

1. Cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ, dự án tổ chức nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, dự án hằng năm và khi kết thúc thực hiện theo quy định.

2. Hồ sơ nghiệm thu được gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường để rà soát, kiểm tra, gồm: Quyết định phê duyệt Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, dự án; Quyết định phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, dự án (nếu có); thuyết minh nhiệm vụ, dự án; Quyết định nghiệm thu cấp bộ; Biên bản nghiệm thu cấp bộ; Báo cáo giải trình tiếp thu; Báo cáo tổng kết nhiệm vụ, dự án; các sản phẩm của nhiệm vụ, dự án (gồm cả bản cứng và bản mềm).

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức đánh giá tính phù hợp, đầy đủ của kết quả nghiệm thu theo quy định của pháp luật liên quan và Quy chế này.

Đối với các nhiệm vụ, dự án thuộc Đề án tổng thể về điều tra cơ bản và quản lý tài nguyên - môi trường biển đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020 được các bộ, ngành nghiệm thu sau thời điểm Thủ tướng phê duyệt Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc thành lập Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2045 thì Văn phòng Cơ quan thường trực Ủy ban chỉ đạo quốc gia thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển xem xét, đánh giá tính phù hợp, đầy đủ của sản phẩm nhiệm vụ, dự án theo các quyết định phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, dự án.

Điều 15. Giao nộp sản phẩm, tài liệu nhiệm vụ, dự án

1. Cơ quan chủ trì nhiệm vụ, dự án giao nộp sản phẩm sau khi hoàn thành nhiệm vụ, dự án. Sản phẩm giao nộp, gồm:

a) Quyết định phê duyệt kết quả thực hiện nhiệm vụ, dự án hoàn thành kèm Danh mục sản phẩm, tài liệu giao nộp.

b) Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, dự án; các sản phẩm cuối cùng của nhiệm vụ, dự án; các sản phẩm trung gian; các bản vẽ, phụ lục kèm theo, số liệu, kết quả đo đạc, quan trắc, kết quả phân tích mẫu, tài liệu nguyên thủy, tài liệu gốc, 01 bộ (in trên giấy và lưu trên đĩa CD).

2. Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện:

a) Tiếp nhận, bảo quản, lưu trữ số liệu, kết quả điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển của các nhiệm vụ, dự án theo quy định.

b) Lập Biên bản xác nhận giao nộp sản phẩm. Biên bản xác nhận là cơ sở để các bộ, ngành, địa phương phê duyệt quyết toán nhiệm vụ, dự án đã hoàn thành.

c) Tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng số liệu, kết quả điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh theo quy định.

Điều 16. Phối hợp thực hiện chế độ thông tin, báo cáo

1. Cơ quan chủ trì nhiệm vụ, dự án:

a) Chủ động thông tin và đề nghị tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hoặc báo cáo đột xuất theo đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, gửi báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ, dự án được giao về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Chủ động công bố thông tin về kết quả thực hiện của nhiệm vụ, dự án (trừ các tài liệu mật theo quy định riêng).

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chủ trì nhiệm vụ, dự án xây dựng mẫu báo cáo và hướng dẫn thực hiện bảo đảm thống nhất.

b) Tổng hợp báo cáo, gửi Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, gồm:

- Báo cáo năm về tình hình, kết quả thực hiện Chương trình, gửi trước ngày 30 tháng 12 hằng năm.

- Báo cáo sơ kết 5 năm tình hình, kết quả triển khai thực hiện, gửi trước ngày 30 tháng 3 năm 2025.

- Công bố thông tin kết quả thực hiện nhiệm vụ, dự án (trừ các tài liệu mật theo quy định riêng).

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc phổ biến, triển khai, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Các bộ, cơ quan liên quan tổ chức quản lý hướng dẫn, triển khai thực hiện Chương trình và các nhiệm vụ, dự án theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

3. Các cơ quan chủ trì nhiệm vụ, dự án chủ động phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ nhau trong quá trình thực hiện; phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành liên quan trong quá trình thẩm định, kiểm tra, nghiệm thu, báo cáo và giao nộp sản phẩm nhiệm vụ, dự án theo quy định pháp luật và Quy chế này./.